

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa và bà Phạm Thị Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979;

ĐKKHKT: thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Mạnh T** (tên gọi khác Nguyễn Văn D), sinh năm 1981;

ĐKKHKT: thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:* Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1959

Trú quán: thôn Q, xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1960;

Trú tại: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt; anh T, bà G, bà C đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T (tên gọi khác Nguyễn Văn D) kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là UBND xã Đ) ngày 03/7/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình; anh T (tức D) không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, nên cuối năm 2010, chị đi xuất khẩu lao động vừa để lo kinh tế gia đình và xem anh T có thay đổi không. Tuy nhiên, sau khi chị đi được một thời gian thì anh T ở nhà chơi bời, nợ nần nhiều, có nhiều người đến đòi nợ dẫn đến anh T phải để lại con cho bố mẹ chị nuôi dưỡng đi làm tự do nay đây mai đó, không dám về nhà. Năm 2019, chị về nước, chị có tìm hiểu và liên lạc qua điện thoại để nói chuyện với anh T để giải quyết việc gia đình nhưng anh T nói đang làm ăn xa, không về giải quyết việc ly hôn cũng như không cho chị địa chỉ nơi anh T sinh sống, làm việc. Tết nguyên đán năm 2019, anh T có về nhà nhưng không dám vào trong nhà, vì sợ có người đến đòi nợ, có con trai chị nhìn thấy, sau đó anh T đi luôn, con trai chị thường xuyên gọi điện hỏi bố đang ở đâu, anh T nói đang làm ở Hà Nội, lúc nói đang làm ở TP Hải Dương nhưng không nói địa chỉ cụ thể. Nay chị xác định vợ chồng xa cách nhiều năm, tình cảm lạnh nhạt không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/2004 hiện đang ở cùng với chị. Chị xin nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh H và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng từ 5 đến 6 triệu đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, do anh T không có mặt ở nhà, do mâu thuẫn gia đình nên những người thân của anh T đều xác định không thể thông báo được cho anh T, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất cứ ý kiến nào bằng văn bản gửi cho Tòa án. Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ anh T) cung cấp: Trước đây bà kết hôn với ông Nguyễn Xuân M và sinh được anh Nguyễn Văn D (sau này cải chính họ tịch là Nguyễn Mạnh T), do bà và ông M không hợp nhau nên đã ly hôn, anh T ở cùng với ông M đến khi trưởng thành còn bà đi bước nữa và lấy chồng ở xã H. Năm 2003, anh T kết hôn với chị H. Sau khi kết hôn, anh T về quê nhà chị H sinh sống, vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh T mãi chơi đùa đòi dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đến đòi nợ gây áp lực nên anh T không dám ở nhà mà bỏ đi làm ăn, nay đây mai đó, không có địa chỉ cố định. Sau khi chị H về nước không thấy vợ chồng đoàn tụ, bà có nghe nói tết nguyên đán năm 2019, anh T có về nhà nhưng sợ bị đòi nợ không dám vào nhà. Anh T vẫn dùng số điện thoại di động, qua mạng xã hội bà đã nhiều lần điện thoại cho anh T, nhưng do mẹ con không hợp nhau nên anh T không nghe máy. Vợ chồng có một con chung như chị H đã trình bày là đúng, hiện con chung đang ở

cùng với chị H. Nay, chị H có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị G (vợ ông M và là mẹ kế của anh T) được cung cấp: Trước đây, ông M, bà C là vợ chồng và sinh được anh Nguyễn Văn D (tức Nguyễn Mạnh T), do ông M, bà C không hợp nhau nên đã ly hôn từ lúc anh T còn bé, sau đó bà kết hôn với ông M nên anh T ở với ông bà, do anh T bỏ học sớm đi làm tự do, đã gặp và kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2003, cũng từ đó anh T về ở quê nhà chị H ở xã Đ, Tứ Kỳ sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, trong thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, anh T ở nhà chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều, không dám ở nhà mà bỏ đi làm ăn xa, do mâu thuẫn với ông M nên anh T không về nhà, không nói cho ông bà biết anh T đang ở đâu, làm gì.

- Lời khai của cháu Nguyễn Mạnh H xác định tết nguyên đán năm 2019, có nhìn thấy anh T về nhưng không dám vào nhà, cháu thường xuyên điện thoại để hỏi bố đang ở đâu nhưng bố cháu nói lúc đang ở Hải Dương, lúc đang ở Hà Nội và không cho cháu biết địa chỉ cụ thể, trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã Đ và các đoàn thể và chính quyền thôn N, xã Đ đều cung cấp: chị H anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết sau khi chị H đi lao động ở nước ngoài thì anh T ở nhà nuôi con, sau đó đi làm ăn xa, nay đây mai đó ít khi về, chỉ thỉnh thoảng điện thoại về hỏi thăm con chung, năm 2019 chị H về nước nhưng vợ chồng không về đoàn tụ. Hiện anh T vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa cắt, chuyển khẩu đi nơi khác, còn anh T làm gì, ở đâu thì địa phương không nắm được. Nay, chị H xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xem xét giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng, vì anh T không có mặt ở nhà.

- Kết quả làm việc với đại diện UBND xã H, huyện Ninh Giang và chính quyền thôn Q đều được cung cấp: Anh Nguyễn Mạnh T lúc nhỏ có tên gọi khác Nguyễn Văn D, là con đẻ của ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị C. Sau khi bố mẹ ly hôn, anh D ở cùng với ông M và có tên trong hộ khẩu gia đình ông M, sau đó gia đình cải chính hộ tịch lấy tên Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1981. Sau khi kết hôn với chị Nguyễn Thị H, anh T đã chuyển khẩu về xã Đ (nay là xã Đ), huyện Tứ Kỳ nên địa phương đã gạch tên anh T (tức D) trong sổ hộ khẩu gia đình năm 2009. Mặc dù có hai tên nhưng đều là một người và là con đẻ của ông M, bà C và là chồng của chị Nguyễn Thị H. Từ ngày anh T kết hôn với chị H và chuyển khẩu về xã Đ, huyện Tứ Kỳ sinh sống, anh T gần như không về địa phương, hiện anh T ở đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Mạnh T không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, **xử cho** chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T (tức Nguyễn Văn D); **Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung** Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/2004 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T **có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T (tức Nguyễn Văn D) được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là UBND xã Đ), huyện Tứ Kỳ ngày 03/7/2003 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm. Theo chị H trình bày, do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, từ đó mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài, anh T ở nhà không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều người, phải để con cho bố mẹ chị nuôi đi làm tự do. Sau khi ở nước ngoài về hẳn, chị có tìm gặp, liên lạc nhưng anh T không cho chị biết địa chỉ nơi sinh sống, làm việc, vợ chồng ly thân nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, xa cách, không còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, hiện đi làm ăn tự do, vẫn liên lạc về với gia đình, lần gần nhất anh T có gọi điện cho con trai Nguyễn Mạnh H là ngày 14/12/2020 để hỏi thăm tình hình học tập của con, chị đã quay video được cuộc nói chuyện giữa cháu và anh T. Chị H đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã Đ xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản

1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh T đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị H trong việc ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh T cũng không về Tòa án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Tòa án niêm yết, chị H vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/2004 đang ở với mẹ, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H thấy rằng: Hiện cháu H đã trên 17 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường về trí lực và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị H hiện làm lao động tự do, có thu nhập trung bình từ 5 đến 6 triệu đồng/tháng, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, quan điểm của UBND xã Đ và đại diện lao động thương binh xã hội xã Đ có quan điểm do anh T không có mặt tại địa phương nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Mạnh H cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T (tên gọi khác Nguyễn Văn D).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 08/3/2004 cho đến khi trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0009956 ngày 05/11/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Quang Liêm Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Nguyễn Văn Quân

